

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HSST

Ngày: 20-10-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Lường Văn Hưởng**

2. Ông: **Lò Văn Thuỷ**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở, TAND huyện M, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS, ngày 28/10/2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Quàng Văn M**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1978, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 5/12; Bố đẻ: Quàng Văn B (đã chết); mẹ đẻ: Tòng Thị T, sinh năm 1945; Gia đình bị cáo có 09 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1978 và 02 người con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Vì Văn H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1987, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Z, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: không; Bố đẻ: Vì Văn H1 (đã chết); mẹ đẻ: Lò Thị X, sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị T1 sinh năm 1987 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn M:** Bà Bùi Thuý A – là Trợ giúp pháp lý; nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

* **Người bào chữa cho bị cáo Vì Văn H:** Bà Lương Thị T – Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Quảng Văn M, Vì Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/6/2022, tại đoạn đường thuộc bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên Quảng Văn M đã gặp và xin được của một bé trai khoảng 10 tuổi không quen biết 44 viên Methamphetamine màu hồng đựng trong lọ nhựa màu trắng có nắp màu vàng đen, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi xin được ma túy M đi về nhà lấy ra 01 viên để sử dụng rồi cất giấu lọ ma túy ở lỗ gạch ba vạnh của chân tường bao nhà gia đình, cách cổng nhà khoảng 02 mét. Cất giấu xong ma túy M cầm viên hồng phiến vào phòng ngủ sử dụng bằng hình thức đốt hít. Khi M vừa sử dụng xong ma túy thì Vì Văn H đến nhà hỏi mua hồng phiến (Methamphetamine) của M để sử dụng thì được M đồng ý bán cho H 05 viên Methamphetamine thu được 100.000 đồng. Mua được ma túy H đi đến nhà của gia đình anh Lò Văn Ứng, sinh năm 1989, trú tại bản Búng, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên chơi. Hồi 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi H đang ở nhà gia đình anh Ứng thì tổ công tác Công an xã B vào nhà kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ 05 viên Methamphetamine màu hồng có khối lượng 0,49 gam của H. Thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của M Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã phát hiện thu giữ 01 một lọ nhựa màu trắng có nắp màu vàng đen bên trong có chứa 38 viên Methamphetamine màu hồng có khối lượng 3,69 gam M đang cất giấu bên trong lỗ gạch ba vạnh của chân tường bao nhà gia đình, đồng thời thu giữ số tiền 100.000 đồng mà M đã bán ma túy cho H có được.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 24/6/2022 của Công an huyện M và Kết luận giám định số 925 /KL-KTHS và Kết luận giám định số 926/KL-KTHS, ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Vì Văn H là 0,49 gam.
- Khối lượng vật chứng thu giữ của Quảng Văn M là 3,69 gam.
- Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Vì Văn H và của Quảng Văn M gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Theo Kết luận giám định số 1000/KL-KTHS, ngày 15/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số mã hiệu cụ thể UR 17796567 là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT-VKSMA ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M

để xét xử bị cáo Vì Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và bị cáo Quảng Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt Vì Văn H từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Quảng Văn M từ 05 năm 04 tháng đến 05 năm 08 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy: 0,4 gam Methamphetamine (*vật chứng thu giữ của bị cáo H*) và 3,39 gam Methamphetamine (*vật chứng thu giữ của bị cáo M*) là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu vàng, đen. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000đ thu giữ của bị cáo M (*đây là số tiền M bán trái phép ma túy cho bị cáo H*).

Án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo M thuộc hộ nghèo, cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo M.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Vì Văn H nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi được vận động bị cáo đã tự giao nộp ma túy cho tổ công tác Công an xã B, huyện M, khi bị bắt bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm là bắt và khởi tố Quảng Văn M về hành mua bán trái phép chất ma túy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn M nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội

đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn hình phạt đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện M, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo M thừa nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện M, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Vì Văn H và bị cáo Quảng Văn M đã khai và công nhận: Ngày 24/6/2022 tại nhà ở của gia đình thuộc bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên Quảng Văn M đã bán trái phép cho Vì Văn H 05 viên Methamphetamine, có khối lượng 0,49 gam với giá 100.000đ, mục đích H mua ma túy của M để H sử dụng. Ngoài ra Quảng Văn M còn tàng trữ 3,69 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 74/CT-VKSMA, ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo H mua và tàng trữ trái phép 0,49 gam Methamphetamine của bị cáo M với mục đích để sử dụng, còn bị cáo M ngoài bán trái phép 0,49 gam Methamphetamine cho bị cáo H thì bị cáo còn tàng trữ trái phép 3,69 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng và bán kiếm lời, do đó bị cáo M còn phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng Methamphetamine đã bán cho H là 0,49 gam. Hành vi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo H đủ định lượng buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Hành vi bán ma túy cho bị cáo H và tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo M đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Vì vậy buộc bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội NH vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo H về tội “Tàng trữ trái

phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...c) Heroine, ...Methamphetamine ..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam.

và xét xử bị cáo M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Tại khoản 1 Điều 251 BLHS quy định: *“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”*

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù (đối với bị cáo H) và đến 7 năm tù (đối với bị cáo M), được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo H được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo không được học lên lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo Quảng Văn M sinh ra và lớn lên tại huyện M, học đến lớp 5/12 thì nghỉ học, lao động sản xuất cùng gia đình, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, NH vì nhu cầu xấu của bản thân và cũng vì hám lợi các bị cáo đã cố tình phạm tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo H khi bị tổ công tác kiểm tra, vận động đã tự nguyện giao nộp ma túy cho tổ công tác, khi bị bắt bị cáo đã phối hợp với Cơ quan điều tra khai ra Quảng Văn M là người bán ma túy cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đối với đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS của người bào chữa cho bị cáo H. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của người bào chữa là có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo H. Vì khi bị bắt, bị cáo H tích cực hợp tác với cơ quan Công an trong việc phát hiện tội phạm, qua lời khai của H, cơ quan Công an đã khám xét bắt và khởi tố Quảng Văn M về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Các bị cáo với nghề nghiệp làm ruộng, ngoài ra không có thu nhập nào khác, gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện VKS về việc xử lý vật chứng của vụ án.

[6] Đối với bé trai khoảng 10 tuổi đã cho Quảng Văn M ma túy, do bị cáo không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể của người này ở đâu, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có đủ cơ sở xác M làm rõ.

[7] Án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Quảng Văn M thuộc hộ nghèo, cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo M.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của các bị cáo, của người bào chữa cho các bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vì Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Quảng Văn M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vì Văn H 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 24/6/2022).

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn M 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 24/6/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử:

- Tịch thu để tiêu hủy: 0,4 gam Methamphetamine (vật chứng thu giữ của bị cáo H) và 3,39 gam Methamphetamine (vật chứng thu giữ của bị cáo M) là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu vàng, đen.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 100.000đ thu giữ của bị cáo M (đây là số tiền M bán trái phép ma túy cho bị cáo H).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi Cục thi hành án dân sự huyện M lập ngày 06/10/2022).

3. Án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo M.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.M
- Công an h.M
- Chi cục THADS h.M
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương